

Số: **14** /2017/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày **18** tháng **6** năm 2017

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 18/2011/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy trình kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông; Nghị định số 81/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP và Nghị định số 49/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP và Điều 30 của Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Nghị định số 67/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Viễn thông,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 18/2011/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy trình kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quy trình kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng ban hành kèm theo Thông tư số 18/2011/TT-BTTTT (sau đây gọi là Thông tư số 18/2011/TT-BTTTT)

1. Sửa đổi mục 3.3 như sau: “Trạm gốc bắt buộc kiểm định là trạm gốc thuộc “Danh mục thiết bị viễn thông và đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định”.”.

2. Sửa đổi mục 4.1 như sau: “Các trạm gốc lắp đặt tại cùng một vị trí có thể được cấp chung hoặc riêng Giấy chứng nhận kiểm định theo đề nghị của doanh nghiệp.”.

3. Sửa đổi mục 4.5 như sau: “Các Tổ chức kiểm định được phép thuê các phòng thử nghiệm được Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định (sau đây gọi là phòng thử nghiệm) để thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung đo kiểm định quy định tại mục 6.3.2 để phục vụ công tác kiểm định trạm gốc.”.

4. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ hai của mục 6.3 như sau: “Tổ chức kiểm định hoặc phòng thử nghiệm tiến hành đo kiểm định”.

5. Sửa đổi câu đầu của mục 6.3.2 như sau: “Tổ chức kiểm định hoặc phòng thử nghiệm thực hiện đo kiểm định tại trạm gốc, ghi đầy đủ thông tin vào kết quả đo kiểm định (theo mẫu tại Phụ lục 2) các nội dung sau:”.

6. Sửa đổi mục 6.3.2.7 như sau:

“6.3.2.7. Hoàn thiện kết quả đo kiểm định

Hoàn thiện kết quả đo kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng (theo mẫu tại Phụ lục 2).”.

7. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ 2 của mục 6.4.2 như sau: “Kết quả đo kiểm định”.

8. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ nhất của mục 7.1 như sau: “Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày trạm gốc được đưa vào sử dụng, doanh nghiệp phải hoàn thành việc niêm yết tại trạm gốc bản công bố (theo mẫu tại Phụ lục 4) đối với trạm gốc không thuộc “Danh mục thiết bị viễn thông và đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định”. Trong vòng hai mươi (20) ngày đầu tiên hàng quý, doanh nghiệp phải báo cáo Cục Viễn thông danh sách các trạm gốc không thuộc “Danh mục thiết bị viễn thông và đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định” đã lắp đặt và đã niêm yết bản công bố trong quý trước đó (theo mẫu tại Phụ lục 5). Trường hợp trạm gốc không thuộc “Danh mục thiết bị viễn thông và đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định” và đã được công bố nhưng sau đó có sự thay đổi trở thành trạm gốc thuộc “Danh mục thiết bị viễn thông và đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định” thì trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày có sự thay đổi, doanh nghiệp phải tiến hành kiểm định cho trạm gốc này.”.

9. Thay “mẫu Đơn đề nghị kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng” tại Phụ lục 1 của Thông tư số 18/2011/TT-BTTTT bằng “mẫu Đơn đề nghị kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng” tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

10. Thay “mẫu Biên bản kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng” tại Phụ lục 2 của Thông tư số 18/2011/TT-BTTTT bằng “mẫu Kết quả đo kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng” tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

11. Thay “mẫu Giấy chứng nhận kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng” tại Phụ lục 3 của Thông tư số 18/2011/TT-BTTTT bằng

“mẫu Giấy chứng nhận kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng” tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này”.

12. Thay “mẫu Bản thông báo trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng” tại Phụ lục 4 của Thông tư số 18/2011/TT-BTTTT bằng “mẫu Bản công bố trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng không thuộc Danh mục thiết bị viễn thông và đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định” tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này”.

13. Thay cụm từ “thông báo” bằng cụm từ “công bố” tại Phụ lục 5 của Thông tư số 18/2011/TT-BTTTT.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Cục trưởng Cục Viễn thông, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp viễn thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

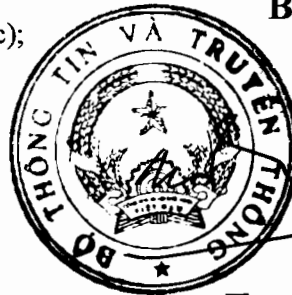
Điều 3. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày **15** tháng **8** năm 2017.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Viễn thông) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Bộ TT&TT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị trực thuộc, Công thông tin điện tử;
- Sở TT&TT các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Doanh nghiệp viễn thông;
- Lưu: VT, CVT.250.



BỘ TRƯỞNG

Trương Minh Tuấn

PHỤ LỤC 1
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH TRẠM GỐC ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG
MẶT ĐẤT CÔNG CỘNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 19 /2017/TT-BTTTT ngày 23 tháng 6 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

(DOANH NGHIỆP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH
TRẠM GỐC ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG MẶT ĐẤT CÔNG CỘNG

Kính gửi: (Tổ chức Kiểm định)

1. Tên doanh nghiệp đề nghị kiểm định:
Địa chỉ:
Điện thoại: Fax:
2. Tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ:
Địa chỉ:
Điện thoại: Fax:
3. Đề nghị kiểm định cho trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng (như danh sách kèm theo).
4. Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 8: 2010/BTTTT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phơi nhiễm trường điện từ của các trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng.
5. Hồ sơ kèm theo bao gồm:
 - a) Báo cáo về sự thay đổi của trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng (trong trường hợp kiểm định bất thường).
 - b) Tài liệu mô tả sản phẩm, hướng dẫn sử dụng của trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng (trong trường hợp chủng loại thiết bị trạm gốc đề nghị kiểm định lần đầu tiên).

(Doanh nghiệp) cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

DANH SÁCH CÁC TRẠM GỐC ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG MẶT ĐẤT CÔNG CỘNG ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH

(Kèm theo Đơn đề nghị kiểm định số ngày tháng năm)

STT	Địa điểm lắp đặt	Tỉnh /TP	Tọa độ (1)	Doanh nghiệp (2)	Số lượng trạm gốc (3)	Mã trạm gốc	Chủng loại thiết bị phát (4)	Số máy phát, thu-phát hoặc số sóng mang (5)	Tổng công suất phát từng anten (6)	Số anten phát (7)	Băng tần hoạt động (8)	Chủng loại anten	Độ cao anten (9)	Góc ngả tổng cộng (10)	Chủng loại jumper (hoặc kích thước ngang)	Chủng loại feeder (hoặc kích thước ngang)	Chủng loại Connector	Thành phần suy hao khác	Độ cao công trình xây dựng (11)	Ghi chú (12)
1																				
2																				

Ghi chú:

- (1) – Tọa độ: kinh độ, vĩ độ nơi lắp đặt trạm gốc
- (2) – Trường hợp các trạm gốc của các doanh nghiệp khác nhau lắp đặt trên cùng 1 cột anten hoặc tại cùng vị trí thì ghi đầy đủ tên các doanh nghiệp
- (3) – Số lượng trạm gốc lắp đặt trên cùng một cột anten hoặc tại cùng vị trí của từng doanh nghiệp
- (4) – Chủng loại thiết bị phát sóng vô tuyến của từng trạm gốc. Ví dụ: ALCATEL EVOLIUM A9100
- (5) – Tổng số máy phát tín hiệu đến từng anten hoặc số sóng mang của từng trạm gốc. Trường hợp có nhiều anten hoặc số sóng mang thì số máy phát đến từng anten cách nhau bằng dấu “/”. Ví dụ: 2/2/2
- (6) – Tổng công suất phát từng anten (W) của toàn bộ các trạm gốc: tổng công suất cực đại của tất cả các máy phát đến trước feeder/jumper dẫn tín hiệu lên từng anten. Trường hợp có nhiều anten thì ghi công suất phát đến từng anten cách nhau bằng dấu “/”. Ví dụ: 71,49W/71,49W/71,49W
- (7) – Tổng số anten phát sóng của từng trạm gốc. Ví dụ: 3
- (8) – Băng tần hoạt động của từng trạm gốc (MHz). Ví dụ: 900 MHz, 1800 MHz, ...
- (9) – Độ cao từng anten của tất cả trạm gốc tính từ mặt đất đến mép dưới của mỗi anten.
- (10) – Góc ngả tổng cộng từng anten của tất cả trạm gốc: tổng góc ngả cơ và điện.
- (11) – Độ cao tính tới nóc, mặt bằng cao nhất của các công trình xây dựng (trong đó có người sinh sống, làm việc) trong khoảng cách 100 m tính từ điểm bất kỳ nào thuộc chân cột anten của trạm gốc đó. Trường hợp không có công trình xây dựng trong đó có người sinh sống, làm việc thì bỏ trống.
- (12) – Ghi tương ứng là 1 – kiểm định lần đầu; 2 – kiểm định định kỳ; 3 – kiểm định bất thường; 4 – kiểm định cho các trạm gốc không thuộc “Danh mục thiết bị viễn thông và đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định” và đã được công bố nhưng sau đó có sự thay đổi trở thành trạm gốc thuộc “Danh mục thiết bị viễn thông và đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định”.

PHỤ LỤC 2
MẪU KẾT QUẢ ĐO KIỂM ĐỊNH TRẠM GỐC ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG
MẶT ĐẤT CÔNG CỘNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số **14** /2017/TT-BTTTT ngày **23** tháng **6** năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

(TỔ CHỨC THỰC HIỆN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm

KẾT QUẢ ĐO KIỂM ĐỊNH
TRẠM GỐC ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG MẶT ĐẤT CÔNG CỘNG

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP:

- Tên doanh nghiệp đề nghị kiểm định:.....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại:.....Fax:.....

2. NHÓM ĐO:

Thành phần nhóm đo gồm:

-
-

3. THÔNG TIN TRẠM GỐC:

- Địa điểm lắp đặt:.....
- Tọa độ:.....
- Số lượng trạm gốc:.....
- Thời gian đo kiểm định:.....

DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ	Thông số kỹ thuật cơ bản tại thời điểm đo						
	Mã trạm gốc	Chung loại thiết bị phát	Số anten phát	Số máy phát, thu-phát	Tổng công suất phát từng anten	Băng tần hoạt động	Độ cao từng anten

4. QUY CHUẨN ÁP DỤNG:

QCVN 8: 2010/BTTTT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phơi nhiễm trường điện từ của các trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng.

5. THIẾT BỊ ĐO KIỂM ĐỊNH:

- Chủng loại:
- Hãng sản xuất:
- Năm sản xuất:

6. NỘI DUNG ĐO KIỂM:

6.1. Tính toán thông số trạm gốc

6.1.1. Bảng các thông số kỹ thuật cơ bản và kết quả tính toán theo các số liệu thực tế của trạm gốc

- Trạm gốc n của ...(Tên viết tắt của Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ)...

STT	Các thông số	Anten 1	Anten 2	Anten N	
1	Thiết bị phát sóng tần số radio				
	1. Chủng loại thiết bị phát				
	2. Số máy phát, thu-phát (số sóng mang)				
	3. Tổng công suất phát từng anten (dBm)				
2	Anten				
	1. Chủng loại anten				
	2. Loại anten (đăng hướng/định hướng)				
	3. Độ tăng ích của anten - G (dBi)				
	4. Băng tần hoạt động (MHz)				
	5. Độ dài mặt bức xạ của anten – h (m)				
	6. Góc ngả (Downtilt) tổng cộng của anten (độ)				
	7. Góc phương vị (azimuth) của anten (độ)				
	8. Độ cao anten so với mặt đất ⁽¹⁾ (m)				
9. Độ cao cột anten so với mặt đất ⁽²⁾ (m)					
3	Tổng suy hao từ máy phát đến anten				
	1. Jumper	Chủng loại jumper (hoặc kích thước ngang)			
		Chiều dài jumper (m)			
		Suy hao dB/100m (theo tài liệu kỹ thuật) dB			
		Suy hao của jumper (dB)			
	2. Feeder	Chủng loại feeder (hoặc kích thước ngang)			
		Chiều dài feeder (m)			
Suy hao dB/100m (theo tài					

STT	Các thông số		Anten 1	Anten 2	Anten N
		liệu kỹ thuật) dB			
		Suy hao feeder (dB)			
	3. Connector	Tổng suy hao của các connector (dB)			
	4. Thành phần khác (nếu có)				
5. Tổng suy hao L_{sh}					
Kết quả tính toán					
4	1. Công suất bức xạ đẳng hướng tương đương - P_{EIRP} (dBm)				
	2. Đường kính vùng tuần thủ - D_{tt} (m)				
	3. Chiều cao của vùng tuần thủ - H_{tt} (m)				
	4. Đường kính của vùng liên quan - D_{lq} (m)				
	5. Chiều cao của vùng liên quan - H_{lq} (m)				

- Trạm gốc (n+1) của ...(Tên viết tắt của Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ)...

STT	Các thông số		Anten 1	Anten 2	Anten N
1	Thiết bị phát sóng tần số radio				
		1. Chủng loại thiết bị phát			
		2. Số máy phát, thu-phát (số sóng mang)			
		3. Tổng công suất phát từng anten (dBm)			
2	Anten				
		1. Chủng loại anten			
		2. Loại anten (đẳng hướng/định hướng)			
		3. Độ tăng ích của anten - G (dBi)			
		4. Băng tần hoạt động (MHz)			
		5. Độ dài mặt bức xạ của anten - h (m)			
		6. Góc ngả (Downtilt) tổng cộng của anten (độ)			
		7. Góc phương vị (azimuth) của anten (độ)			
		8. Độ cao anten so với mặt đất ⁽¹⁾ (m)			
	9. Độ cao cột anten so với mặt đất ⁽²⁾ (m)				
3	Tổng suy hao từ máy phát đến anten				
	1. Jumper	Chủng loại jumper (hoặc kích thước ngang)			
Chiều dài jumper (m)					

STT	Các thông số		Anten 1	Anten 2	Anten N
		Suy hao dB/100m (theo tài liệu kỹ thuật) dB			
		Suy hao của jumper (dB)			
	2. Feeder	Chủng loại feeder (hoặc kích thước ngang)			
		Chiều dài feeder (m)			
		Suy hao dB/100m (theo tài liệu kỹ thuật) dB			
		Suy hao feeder (dB)			
	3. Connector	Tổng suy hao của các connector (dB)			
	4. Thành phần khác (nếu có)				
5. Tổng suy hao L_{sh}					
4	Kết quả tính toán				
	1. Công suất bức xạ đẳng hướng tương đương - P_{EIRP} (dBm)				
	2. Đường kính vùng tuân thủ - D_{tt} (m)				
	3. Chiều cao của vùng tuân thủ - H_{tt} (m)				
	4. Đường kính của vùng liên quan - D_{lq} (m)				
	5. Chiều cao của vùng liên quan - H_{lq} (m)				

...

Ghi chú:

- (1) Độ cao tính từ mặt đất tới mép thấp nhất của anten
- (2) Độ cao tính từ mặt đất tới đỉnh cột anten

6.1.2. Xác định người dân có thể tiếp cận đến vùng tuân thủ, vùng liên quan không

- Người dân có thể tiếp cận đến vùng tuân thủ không?
Có: Không:
- Người dân có thể tiếp cận đến vùng liên quan không?
Có: Không:
- Trạm gốc này có phải tiến hành đo kiểm phơi nhiễm không?
Có: Không:

6.1.3. Các thông số kỹ thuật giả định để tính toán xác định giới hạn an toàn của cột anten:

- Downtilt tổng cộng của anten: 12° .
- Đường kính của vùng liên quan giả định: 100m.
- Chiều cao của vùng liên quan giả định (bằng chiều cao của vùng liên quan của anten thấp nhất trên cột anten):

- Vùng liên quan giả định quay một vòng tròn quanh cột anten có giao cắt vùng thâm nhập?

Có:

Không:

6.2. Kết quả đo phơi nhiễm (nếu có):

Lớp đo	TT	Điểm đo	Kết quả đo (V/m hoặc W/m ² hoặc A/m)		
			Vị trí đo 1,1m	Vị trí đo 1,5m	Vị trí đo 1,7m
Lớp 1	1.	p1			
	2.	p2			
			
Lớp 2	1.	p9			
	2.	p10			
			
...			

6.3. Bản vẽ và ảnh chụp

- Ảnh chụp địa điểm lắp đặt trạm gốc: ảnh chụp khung cảnh nhà trạm và ảnh chụp cột anten (thể hiện rõ số anten lắp đặt trên cột anten).
- Bản vẽ tổng thể nhìn từ trên xuống (phương nằm ngang);
- Bản vẽ riêng cho từng anten theo phương thẳng đứng;
- Bản vẽ riêng thể hiện vùng đo nhìn từ trên xuống (phương nằm ngang): chỉ áp dụng trong trường hợp có điểm đo.
- Bản vẽ riêng thể hiện vùng liên quan giả định quay một vòng tròn quanh cột anten: chỉ áp dụng trong trường hợp cột anten không lắp đặt trên những công trình xây dựng có sẵn.

6.4. Độ cao công trình xây dựng (nếu có)

Độ cao tính tới nóc, mặt bằng cao nhất của các công trình xây dựng (trong đó có người sinh sống, làm việc) trong khoảng cách 100 m tính từ điểm bất kỳ nào thuộc chân cột anten của trạm gốc là.....m.

7. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng phù hợp quy chuẩn QCVN 8:2010/BTTTT

- Kiến nghị giới hạn an toàn của cột anten:

Không.

Có. **Giới hạn an toàn của cột anten:** Điểm an toàn ở trên cột anten là điểm có độ cao m tính từ mặt đất nơi lắp đặt trạm gốc.

Trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng không phù hợp quy chuẩn QCVN 8:2010/BTTTT

Kết luận và kiến nghị khác:.....

ĐẠI DIỆN NHÓM ĐO

(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 3
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH TRẠM GỐC ĐIỆN THOẠI
DI ĐỘNG MẶT ĐẤT CÔNG CỘNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 19 /2017/TT-BTTTT ngày 23 tháng 6 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

(TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
TRẠM GỐC ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG MẶT ĐẤT CÔNG CỘNG

Số:

(TÊN TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH)
CHỨNG NHẬN

TRẠM GỐC ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG MẶT ĐẤT CÔNG CỘNG	
Địa điểm lắp đặt	
Mã trạm gốc	
Doanh nghiệp đề nghị kiểm định	
Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ	
Thông số kỹ thuật cơ bản tại thời điểm đo kiểm định	
Chủng loại thiết bị phát	
Số anten phát	
Số máy phát, thu-phát	
Tổng công suất phát từng anten	
Băng tần hoạt động	
Độ cao từng anten (tính từ mặt đất đến mép thấp nhất của anten)	

Được kiểm định phù hợp quy chuẩn kỹ thuật QCVN 8:2010/BTTTT.

.....(1).....

Giới hạn an toàn: là khoảng chiều cao trên cột anten tính từ điểm có độ cao ... m so với mặt đất trở lên.

Trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng này có mức an toàn phơi nhiễm trường điện từ tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật trên.

Nơi cấp :
 Ngày cấp :
 Có giá trị đến :

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
KIỂM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú (1):

- Trường hợp trong khoảng cách 100 m tính từ điểm bất kỳ nào thuộc chân cột anten của trạm gốc mà không có công trình xây dựng trong đó có người sinh sống, làm việc thì ghi là: trong khoảng cách 100 m tính từ điểm bất kỳ nào thuộc chân cột anten của trạm gốc không có công trình xây dựng trong đó có người sinh sống, làm việc.

- Trường hợp trong khoảng cách 100 m tính từ điểm bất kỳ nào thuộc chân cột anten của trạm gốc mà có công trình xây dựng trong đó có người sinh sống, làm việc thì ghi là: trong khoảng cách 100 m tính từ điểm bất kỳ nào thuộc chân cột anten của trạm gốc có công trình xây dựng trong đó có người sinh sống, làm việc và có độ cao mép dưới thấp nhất của các anten cao hơn/thấp hơn độ cao tính tới nóc, mặt bằng cao nhất của các công trình xây dựng này là...(ghi rõ chênh lệch độ cao thực tế tính được)... m.

Thông tin về trạm gốc của doanh nghiệp khác lắp đặt tại cùng vị trí ⁽²⁾

DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ	Mã trạm gốc	Thông số kỹ thuật cơ bản tại thời điểm đo kiểm định					
		Chủng loại thiết bị phát	Số anten phát	Số máy phát, thu- phát	Tổng công suất phát từng anten	Băng tần hoạt động	Độ cao từng anten (tính từ mặt đất đến mép thấp nhất của anten)

Ghi chú 2: Chỉ ghi các thông tin này trong trường hợp doanh nghiệp đề nghị kiểm định cho cả các trạm gốc của doanh nghiệp khác lắp đặt tại cùng vị trí.

PHỤ LỤC 4

**MẪU BẢN CÔNG BỐ TRẠM GỐC ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG MẶT ĐẤT
CÔNG CỘNG KHÔNG THUỘC DANH MỤC THIẾT BỊ VIỄN THÔNG
VÀ ĐÀI VÔ TUYẾN ĐIỆN BẮT BUỘC KIỂM ĐỊNH**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2017/TT-BTTTT ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

.....(1).....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BẢN CÔNG BỐ

Số.....

Tên doanh nghiệp:.....(1).....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:....., Fax:.....

CÔNG BỐ

TRẠM GỐC ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG MẶT ĐẤT CÔNG CỘNG		
Địa điểm lắp đặt		
Mã trạm gốc		
Thông số kỹ thuật cơ bản tại thời điểm công bố		
Chủng loại thiết bị phát		
Số anten phát		
Số máy phát, thu-phát		
Tổng công suất phát từng anten		
Băng tần hoạt động		
Độ cao từng anten (tính từ mặt đất đến mép thấp nhất của anten)		

Trạm gốc này phù hợp quy chuẩn kỹ thuật QCVN 8:2010/BTTTT.

.....(2).....

Bản công bố này có thời hạn 5 năm kể từ ngày ...(3)....

...(1)... cam kết các thông tin trên là chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các thông tin này.

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Ghi tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ;
- (2) - Trường hợp trong khoảng cách 100 m tính từ điểm bất kỳ nào thuộc chân cột anten của trạm gốc mà không có công trình xây dựng trong đó có người sinh sống, làm việc thì ghi là: trong khoảng cách 100 m tính từ điểm bất kỳ nào thuộc chân cột anten của trạm gốc không có công trình xây dựng trong đó có người sinh sống, làm việc.
- Trường hợp trong khoảng cách 100 m tính từ điểm bất kỳ nào thuộc chân cột anten của trạm gốc mà có công trình xây dựng trong đó có người sinh sống, làm việc và có hiệu độ cao mép dưới thấp nhất của các anten và độ cao tính tới nóc, mặt bằng cao nhất của các công trình xây dựng này lớn hơn 28 m thì ghi là: trong khoảng cách 100 m tính từ điểm bất kỳ nào thuộc chân cột anten của trạm gốc có công trình xây dựng trong đó có người sinh sống, làm việc và có hiệu độ cao mép dưới thấp nhất của các anten và độ cao tính tới nóc, mặt bằng cao nhất của các công trình xây dựng này là...(ghi rõ hiệu độ cao thực tế tính được)... m.
- (3) Ghi rõ ngày/tháng/năm ký bản công bố.